

Số: 3346/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020
huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 6/4/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 1); Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 2);

Theo đề nghị của UBND huyện Đoan Hùng (Tờ trình số 1229/TTr-UBND 03/12/2020) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 897/TTr-TNMT ngày 18/12/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Đoan Hùng với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Diện tích đất nông nghiệp là 25.503,30 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,16 ha, cụ thể:

+ Diện tích đất trồng lúa là 4.068,61 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,08 ha (*trong đó: đất chuyên trồng lúa nước là 2.881,69 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,08 ha*);

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 7.124,18 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,06 ha;

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 12.011,66 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,02 ha;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 4.689,21 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,16 ha, cụ thể:

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.662,29 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,16 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ là 21,87ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,11 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 18,6ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,11 ha.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đoan Hùng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đoan Hùng

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt (ha) | Diện tích điều chỉnh, bổ sung KHSD đất năm 2020 (ha) | So sánh tăng giảm |
|----------|--|------------|---|--|-------------------|
| | TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN | | 30.285,22 | 30.285,22 | |
| 1 | Đất nông nghiệp | NNP | 25.503,46 | 25.503,30 | -0,16 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 4.068,69 | 4.068,61 | -0,08 |
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | <i>LUC</i> | <i>2.881,77</i> | <i>2.881,69</i> | <i>-0,08</i> |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 1.096,54 | 1.096,54 | |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 7.124,24 | 7.124,18 | -0,06 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 262,72 | 262,72 | |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | 609,13 | 609,13 | |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 12.011,68 | 12.011,66 | -0,02 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 328,10 | 328,10 | |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 2,36 | 2,36 | |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | PNN | 4.689,05 | 4.689,21 | 0,16 |

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt (ha) | Diện tích điều chỉnh, bổ sung KHSD đất năm 2020 (ha) | So sánh tăng giảm |
|----------|--|------------|---|--|-------------------|
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 267,50 | 267,50 | |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 25,89 | 25,89 | |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 69,35 | 69,35 | |
| 2.4 | Đất thương mại dịch vụ | TMD | 21,76 | 21,87 | 0,11 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 63,41 | 63,41 | |
| 2.6 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.662,13 | 1.662,29 | 0,16 |
| 2.7 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | | | |
| 2.8 | Đất có di tích lịch sử văn hóa | DDT | 2,89 | 2,89 | |
| 2.9 | Đất bãi thải: xử lý chất thải | DRA | 9,92 | 9,92 | |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 784,71 | 784,71 | |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | ODT | 38,16 | 38,16 | |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 18,71 | 18,6 | -0.11 |
| 2.13 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp | DSN | 28,38 | 28,38 | |
| 2.14 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | | | |
| 2.15 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 15,98 | 15,98 | |
| 2.16 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa | NTD | 119,73 | 119,73 | |
| 2.17 | Đất sản xuất VLXD làm đồ gốm | SKX | 40,00 | 40,00 | |
| 2.18 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 23,21 | 23,21 | |
| 2.19 | Đất khu vui chơi giải trí công cộng | DKV | 0,11 | 0,11 | |
| 2.2 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 4,88 | 4,88 | |
| 2.21 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 1.151,15 | 1.151,15 | |
| 2.22 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 341,18 | 341,18 | |
| 3 | Đất chưa sử dụng | CSD | 92,71 | 92,71 | |
| 4 | Đất đô thị | KDT | 512,10 | 512,10 | |

2. Danh mục các công trình, dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020:

Công trình, dự án bổ sung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020: 02 công trình, dự án.

(Chi tiết danh mục công trình, dự án tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020; tham mưu việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Đoàn Hùng có trách nhiệm;

- Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đoan Hùng và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Phụ biểu: Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Quyết định số: 3346/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ)

| TT | Tên dự án, công trình | Địa điểm | Diện tích (ha) | Sử dụng vào các loại đất | | | | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|--------------------------------|----------------|--------------------------|-------------|-------------|-------------|---|
| | | | | LUC | CLN | RSX | TSC | |
| A | Các công trình bổ sung | | | | | | | |
| I | Đất công trình năng lượng | | | | | | | |
| 1 | Cải tạo ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phú Thọ - Bãi Bằng - Việt Trì | Các xã: Minh Tiến và Chân Mộng | 0,16 | 0,08 | 0,06 | 0,02 | | Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ |
| II | Đất thương mại, dịch vụ | | | | | | | |
| 2 | Đất đấu giá quyền sử dụng đất | Thị trấn Đoan Hùng | 0,11 | | | | 0,11 | Văn bản số 6001/UBND-KTTH ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc tiếp nhận Cơ sở nhà, đất: Chi cục Dự trữ Nhà nước Việt Trì và Hạt 3-Km 108+300 - Quốc lộ 2; |
| | Tổng cộng | | 0,27 | 0,08 | 0,06 | 0,02 | 0,11 | |